

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 14/9/2020.

Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Đăng.

2. Bà Hoàng Thị Kim Liên.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Trần Văn K, sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 1974.

Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1977.

Trú tại: Xóm N, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Anh K có mặt; vợ chồng anh V, chị Quảng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2020, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Văn K trình bày: Khoảng tháng 02/2017, anh Trần Văn K có tham gia một xuất chơi phường do anh Nguyễn Quang V làm trưởng phường. Theo nghị quyết của phường, anh K đã đóng (nộp) cho vợ chồng anh V, chị Q09 suất phường tương ứng số tiền 90.000.000đ. Đến lượt anh K lấy phường, nhưng vợ chồng anh V trốn tránh không thanh toán cho anh K theo nghị quyết ban đầu của phường. Đến ngày 29/11/2018 khi gặp được vợ chồng anh V, hai bên có thỏa thuận thống nhất, vợ chồng anh V có viết 01 biên nhận vay tiền với nội dung: Vợ chồng anh V, chị Q có vay của anh K số tiền 90.000.000 đồng thời hạn vay ngày 29/11/2018, thời hạn trả vào tháng 12/2019, vay không có lãi suất. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, vợ chồng anh V đã không thực hiện đúng cam kết của mình, mặc dù anh K đi lại đòi nợ và nhắc nhở nhiều lần. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh V, chị Q phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền 90.000.000 đồng, lãi suất anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Bị đơn anh Nguyễn Quang V và chị Nguyễn Thị Q trình bày: Vợ chồng anh với anh K có mối quan hệ quen biết. Năm 2016 vợ chồng anh có tham gia chơi phường với anh K, khi đến lượt anh K lấy phường, vợ chồng anh chị không thanh toán được cho anh K số tiền 90.000.000 đồng, là số tiền anh K đã nộp cho vợ chồng anh trước đó. Vì vậy, ngày 29/11/2018 vợ chồng anh có viết giấy biên nhận nợ anh K số tiền trên, và cam kết hẹn trả số tiền trên trong năm 2019. Nhưng do làm ăn gặp khó khăn, nên cho đến nay vợ chồng anh chị vẫn chưa trả cho anh K số tiền 90.000.000đ. Nay anh chị cam kết sẽ trả số tiền trên cho anh K trong thời gian sớm nhất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập vợ chồng anh V, chị Q đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vợ chồng anh V, chị Q không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được, anh K có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nữa, nên vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa anh K vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh V, chị Q phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền 90.000.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1]. Về tố tụng:** Đây là vụ kiện dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại xóm Ngô Trù, xã K, huyện Bình, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ, hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa cho anh V, chị Quyên theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Nhưng tại phiên tòa vợ chồng anh V, chị Q vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ, quy định khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện P tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quang V, chị Nguyễn Thị Q theo quy định pháp luật là phù hợp.

**[2]. Về nội dung:** Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các tài liệu chứng cứ, có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Khoảng đầu năm 2017, anh K có tham gia chơi một suất phường do anh V làm trưởng phường, anh K đã nộp cho anh V 09 suất phường, tương ứng số tiền 90.000.000đ. Đến lượt anh K lấy phường, nhưng vợ chồng anh V không thanh toán cho anh K số tiền 90.000.000đ theo quy chế của phường. Nên ngày 29/11/2018, vợ chồng anh V, chị Q có viết giấy biên nhận vay anh K số tiền 90.000.000đ, thời hạn trả cuối tháng 12/2019, thỏa thuận không tính lãi suất. Đến hạn trả nợ, vợ chồng anh V không trả số tiền trên cho anh K mặc dù anh đã đi lại đòi nợ và nhắc nhở nhiều lần. Tại phiên tòa anh K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Xét thấy, anh K và vợ chồng anh V có cùng tham gia chơi phường, anh K đã nộp cho vợ chồng anh V 09 suất tiền phường theo nghị quyết của phường. Nhưng khi đến lượt anh K lấy phường, thì vợ chồng anh V không thanh toán cho anh K số tiền 90.000.000đ. Nên ngày 29/11/2018, vợ chồng anh V đã viết biên nhận vay tiền của anh K số tiền như trên, và cam kết thời hạn thanh toán vào tháng 12/2019. Như vậy ngày 29/11/2018, giữa anh K với vợ chồng anh V, chị Q đã phát sinh hợp đồng vay tài sản là tiền; anh K đã giao cho vợ chồng anh V số tiền 90.000.000đ, nhưng khi đến hạn trả nợ, vợ chồng anh V đã không trả số tiền đã nhận nêu trên cho anh K theo thỏa thuận. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định vợ chồng anh V, chị Q đã vi phạm nghĩa vụ của mình về thời hạn trả nợ quy định tại Điều 466 của BLDS, việc anh K khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh V

trả nợ số tiền 90.000.000đ là có căn cứ. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh K, buộc vợ chồng anh V, chị Q phải có trách nhiệm trả cho anh K số tiền 90.000.000đ tiền gốc.

**[3]. Về số tiền lãi chậm trả:** Tại phiên tòa anh K không yêu cầu vợ chồng anh V, chị Q phải trả lãi suất cho anh. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của anh K, nên chấp nhận sự tự nguyện này của anh.

**[4]. Về án phí:** Vợ chồng anh Nguyễn Quang V, chị Nguyễn Thị Q phải chịu một khoản án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung quỹ Nhà nước, hoàn trả lại tạm ứng án phí cho anh Trần Văn K theo quy định pháp luật.

**[5].** Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Về điều luật áp dụng:** Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, các Điều 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS; các Điều 463, 471; Điều 357, 468 của BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Văn K về việc yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Quang V, chị Nguyễn Thị Q trả số tiền vay gốc còn nợ lại theo giấy biên nhận vay tiền ngày 29/11/2018. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Quang V và chị Nguyễn Thị Q phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Trần Văn K số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) tiền gốc.

**2. Về nghĩa vụ thi hành án:** Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu vợ chồng anh Nguyễn Quang V, chị Nguyễn Thị Q không tự nguyện thi hành số tiền trên, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Nguyễn Quang V và chị Nguyễn Thị Q phải chịu 4.500.000đ án phí DSST có giá ngạch sung quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại cho anh K số tiền 2.250.000 đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng)

tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu số 0001131 ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

**4.** Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt anh Trần Văn K, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Nguyễn Quanh V và chị Nguyễn Thị Q, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết tại UBND xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- THA DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phạm Quang Thái**

